TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2022/HS-ST
Ngày: 10 - 3 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông Hoàng Thanh Diện - Cán bộ hưu trí phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình
+ Bà Trần Thị Ngọc Lan - Cán bộ hưu trí phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình
- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Văn A, sinh ngày 21 tháng 4 năm 1998 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn 2, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân Kvà bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ; có 01 con (là con chung với chị Nguyễn Thị H nhưng chưa đăng ký kết hôn); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/11/2021 cho đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm: 1975; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- *Người làm chứng:*

+ Anh Hoàng Văn B, sinh năm: 1972; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

+ Anh Hoàng Văn M, sinh năm: 2005; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 30/10/2021, Trần Văn A rủ anh Hoàng Văn B và anh Hoàng Văn M đến nhà chị Hoàng Thị T chơi. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, anh B và M đi về nhà, còn A tiếp tục ở lại nhà chị T. Khi A đi vào phòng bếp thì thấy có 01 túi xách bằng da, màu đỏ treo ở phía dưới chân giường ngủ, A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên A đến mở túi xách ra lấy toàn bộ số tiền trong túi xách cất giấu vào túi quần và đóng nắp túi xách lại. A tiếp tục đi đến vị trí chiếc bàn đặt ở phía đầu giường ngủ thấy 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu đen, A lấy trộm máy điện thoại giấu vào trong túi quần rồi đi ra chào chị T để về nhà. Chị T thấy A có biểu hiện bất thường, nghi ngờ trộm cắp tài sản của mình nên kiểm tra người của A thì phát hiện máy điện thoại di động của chị T. A trả lại điện thoại cho chị T rồi đi về nhà và lấy toàn bộ số tiền trộm cắp ra đếm được 3.050.000 đồng. Số tiền trên A đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết 1.900.000 đồng, còn lại số tiền 1.150.000 đồng A cất giữ trong người thì bị lực lượng Công an thị xã B phát hiện và thu giữ.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 32/HĐ ngày 02/11/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã B kết luận: 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu đen, loại 64GB đã qua sử dụng, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 200.000 đồng.

Quá trình điều tra cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã thu giữ từ Trần Văn A số tiền 1.150.000.000 đồng mà bị cáo khai nhận là số tiền lấy trộm của chị Hoàng Thị T; 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu đen, loại 64GB đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 28 ngày 09/11/2021 trả lại máy điện thoại và số tiền 1.150.000 đồng trên cho bị hại chị Hoàng Thị T.

Về dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Trần Văn A và chị Hoàng Thị T thỏa thuận bồi thường số tiền 1.900.000 đồng. Chị T đã nhận đầy đủ số tiền trên và cam đoan không khiếu nại, khiếu kiện gì.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSBĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Trần Văn A về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn A từ 09 đến 12 Tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trần Văn A.

Tại phiên toà bị cáo nhất trí tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo trình bày là đã biết lỗi lầm của mình, hành vi phạm tội của bị cáo là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã B, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, việc thu giữ các vật chứng của vụ án và các hành vi, quyết định tố tụng khác của Điều tra viên đều được thực hiện đúng pháp luật. Việc truy tố của Viện kiểm sát là đúng thẩm quyền, tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

[2] Về hành vi phạm tội:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn A đã thống nhất thừa nhận: Ngày 30/10/2021, lợi dụng sự sơ hở của chị T, bị cáo đã lét lút, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm: Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 3.050.000 đồng và 01 điện thoại di động trị giá 200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo lấy trộm là 3.250.000 đồng. Xét thấy diễn biến hành vi phạm tội mà bị cáo khai nhận phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cũng như các tài liệu chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: bị cáo Trần Văn A phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại, gây ảnh hưởng không tốt đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án, làm ảnh hưởng đến tinh thần, đời sống sinh hoạt của người dân trong khu vực. Bị cáo là người đã trưởng thành nhưng không chịu khó lao động, làm ăn chân chính để tạo ra thu nhập hợp pháp mà do lười lao động, muốn hưởng thụ từ thành quả lao động của người khác nên đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt:

- Các tình tiết tăng nặng hình phạt: Không

- Các tình tiết giảm nhẹ hình phạt: Bị cáo đã bồi thường đầy đủ thiệt hại cho người bị hại; phạm tội gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo với cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà; bị hại cũng đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, nhân thân tốt nên xét thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần căn cứ vào Điều 36 Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được học tập cải tạo tại địa phương là cũng đủ nghiêm và phù hợp với chính sách nhân đạo của pháp luật nhà nước ta. Bị cáo Trần Văn A có nghề nghiệp nhưng thu nhập không ổn định nên không áp dụng biện pháp khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

[6] Về vật chứng vụ án: Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đầy đủ tiền bồi thường. Tại phiên toà hôm nay bị hại vắng mặt nhưng quá trình điều tra không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn A 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình nhận được quyết định thi hành án và bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trần Văn A vì thu nhập không ổn định.

Giao bị cáo Trần Văn A cho Uỷ ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

3. Về vật chứng vụ án: Không xem xét.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

5. Về án phí: buộc bị cáo Trần Văn A phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm (đối với người vắng mặt)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA;
- THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà